PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2014/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2014*

THÔNG TƯ
Quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp địa phương,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và quyền lợi, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Điều 2. Mục đích bình chọn

Mục đích bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu nhằm phát hiện và tôn vinh các sản phẩm có chất lượng, có giá trị sử dụng cao, có tiềm năng phát triển sản xuất, mở rộng thị trường, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước để có kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất và xúc tiến thương mại, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Một số cụm từ trong Thông tư này được hiểu như sau:

1. Cấp bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, gồm:

a) *Cấp huyện* là cấp bình chọn được thực hiện trong phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh hoặc cấp tương đương; do Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện;

b) *Cấp tỉnh* là cấp bình chọn được thực hiện trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện;

c) *Cấp khu vực* là cấp bình chọn được thực hiện trong phạm vi từng khu vực, do Cục Công nghiệp địa phương - Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện;

Khu vực trong Thông tư này được chia thành 03 khu vực như sau:

- Khu vực phía Bắc, gồm 28 tỉnh, thành phố: Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai, Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu;

- Khu vực miền Trung và Tây Nguyên, gồm 15 tỉnh, thành phố: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng;

- Khu vực phía Nam, gồm 20 tỉnh, thành phố: Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau.

d) *Cấp quốc gia* là cấp bình chọn được thực hiện trong phạm vi cả nước, do Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

2. *Bộ sản phẩm* là tập hợp các sản phẩm do cùng một cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Các sản phẩm có cùng mẫu mã và công dụng, được sản xuất từ nhiều loại nguyên liệu, vật liệu khác nhau;

b) Các sản phẩm có mẫu mã khác nhau, có công dụng giống nhau được sản xuất từ một loại nguyên liệu, vật liệu;

c) Các sản phẩm khác nhau nhưng có thể ghép lại với nhau để tăng tiện ích sử dụng.

Điều 4. Sản phẩm tham gia bình chọn

1. Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm).

2. Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn.

3. Sản phẩm tham gia bình chọn không phải là sản phẩm sao chép; việc sản xuất sản phẩm không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

4. Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

Điều 5. Phân nhóm các sản phẩm tham gia bình chọn

Sản phẩm tham gia bình chọn được phân theo các nhóm như sau:

1. Nhóm sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

2. Nhóm sản phẩm chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm.

3. Nhóm sản phẩm về thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí.

4. Nhóm các sản phẩm khác.

Điều 6. Nguyên tắc tổ chức và tham gia bình chọn

1. Việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được thực hiện công khai, minh bạch và tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Được tổ chức bình chọn theo 4 (bốn) cấp, gồm: cấp huyện, cấp tỉnh, cấp khu vực và cấp quốc gia.

3. Một cơ sở công nghiệp nông thôn có thể đăng ký tham gia bình chọn cho một hoặc nhiều sản phẩm. Một sản phẩm có thể đăng ký tham gia nhiều kỳ bình chọn.

4. Cơ sở công nghiệp nông thôn gửi sản phẩm tham gia bình chọn trên nguyên tắc tự nguyện, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin liên quan đến sản phẩm của mình.

Điều 7. Tiêu chí bình chọn

1. Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

a) Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;

b) Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;

c) Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;

d) Tiêu chí khác.

2. Chi tiết các tiêu chí bình chọn và phiếu chấm điểm sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu quy định tại Phụ lục số 3, 4 kèm theo Thông tư này.

Chương II
HỘI ĐỒNG BÌNH CHỌN VÀ BAN GIÁM KHẢO

Điều 8. Hội đồng bình chọn

1. Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (sau đây gọi là Hội đồng bình chọn) các cấp được thành lập như sau:

a) Hội đồng bình chọn cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập;

b) Hội đồng bình chọn cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập;

c) Hội đồng bình chọn cấp khu vực do Cục trưởng Cục Công nghiệp địa phương quyết định thành lập;

d) Hội đồng bình chọn cấp quốc gia do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập.

2. Thành viên của Hội đồng bình chọn hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Việc bổ sung hoặc thay thế các thành viên của Hội đồng bình chọn do người có thẩm quyền thành lập Hội đồng bình chọn cùng cấp quyết định.

Điều 9. Cơ cấu, thành phần của Hội đồng bình chọn

1. Hội đồng bình chọn cấp huyện có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là đại diện Lãnh đạo Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân huyện hoặc Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; các phó Chủ tịch Hội đồng khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định;

c) Các thành viên khác của Hội đồng là đại diện của một số đơn vị, tổ chức có liên quan; các nhà khoa học, các chuyên gia, người có chuyên môn, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn.

2. Hội đồng bình chọn cấp tỉnh có 07 hoặc 09 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là đại diện Lãnh đạo Sở Công Thương; các phó Chủ tịch Hội đồng khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;

c) Các thành viên khác của Hội đồng là đại diện của một số đơn vị, tổ chức có liên quan; các nhà khoa học, các chuyên gia, người có chuyên môn, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn.

3. Hội đồng bình chọn cấp khu vực có 09 hoặc 11 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là đại diện Lãnh đạo Cục công nghiệp địa phương;

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là đại diện Lãnh đạo Sở Công Thương nơi tổ chức bình chọn; các phó Chủ tịch Hội đồng khác do Cục trưởng Cục Công nghiệp địa phương quyết định;

c) Các thành viên khác của Hội đồng là đại diện của một số đơn vị, tổ chức có liên quan; các nhà khoa học, các chuyên gia, người có chuyên môn, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn.

4. Hội đồng bình chọn cấp quốc gia có 11 hoặc 13 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là đại diện Lãnh đạo Bộ Công Thương;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện Lãnh đạo Cục công nghiệp địa phương và đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân hoặc Sở Công Thương tỉnh, thành phố nơi tổ chức bình chọn;

c) Các thành viên khác của Hội đồng là đại diện của một số đơn vị, tổ chức có liên quan; các nhà khoa học, các chuyên gia, người có chuyên môn, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn.

Điều 10. Nhiệm vụ của Hội đồng bình chọn

1. Hội đồng bình chọn có nhiệm vụ hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn lập hồ sơ đăng ký bình chọn; thành lập Ban giám khảo và Tổ chuyên môn giúp việc; tổ chức bình chọn; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả bình chọn, quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (sau đây gọi là Giấy chứng nhận).

2. Hội đồng bình chọn cấp huyện, cấp tỉnh và cấp khu vực có trách nhiệm lựa chọn các sản phẩm được công nhận của cấp tương ứng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Công nghiệp địa phương phê duyệt để đăng ký tham gia bình chọn ở cấp cao hơn theo đúng quy định.

3. Hội đồng bình chọn có trách nhiệm giải quyết các vướng mắc; xử lý kiến nghị và khiếu nại liên quan đến kết quả bình chọn do Hội đồng cấp đó thực hiện.

Điều 11. Ban Giám khảo

1. Ban Giám khảo do Chủ tịch Hội đồng bình chọn các cấp thành lập để giúp Hội đồng bình chọn đánh giá và bình chọn các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Ban Giám khảo chịu trách nhiệm trước Hội đồng bình chọn về kết quả bình chọn.

2. Ban Giám khảo gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên. Số lượng thành viên của Ban Giám khảo là số lẻ. Thành viên của Ban Giám khảo là các nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ quản lý, người có chuyên môn, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến các nhóm sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn. Thành viên của Ban Giám khảo có thể là thành viên của Hội đồng bình chọn.

3. Ban Giám khảo có nhiệm vụ nghiên cứu hồ sơ, sản phẩm và tổ chức bình chọn theo các nguyên tắc và tiêu chí được quy định tại Thông tư này. Ban Giám khảo làm việc theo nguyên tắc công khai, minh bạch, kết luận theo đa số.

Chương III
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN

Điều 12. Hồ sơ đăng ký bình chọn

Cơ sở công nghiệp nông thôn, cơ quan, đơn vị khi đăng ký tham gia bình chọn chuẩn bị 01 bộ hồ sơ và gửi về Hội đồng bình chọn, hồ sơ cụ thể:

1. Hồ sơ đăng ký bình chọn cấp huyện:

a) Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của các cơ sở công nghiệp nông thôn (theo mẫu tại Phụ lục số 1 của Thông tư này) kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn;

b) Bản thuyết minh giới thiệu về sản phẩm (theo mẫu tại Phụ lục số 2 của Thông tư này) kèm theo 03 ảnh màu, cỡ tối thiểu (10 x 15) cm của sản phẩm được chụp tại 3 góc độ khác nhau (chính diện, mặt bên, từ trên xuống);

c) Bản sao hợp lệ các tài liệu khác liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác.

2. Hồ sơ đăng ký bình chọn cấp tỉnh:

a) Hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn như quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện còn giá trị;

c) Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo danh sách trích ngang các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh (theo mẫu tại Phụ lục số 5 của Thông tư này);

d) Trong trường hợp không tổ chức bình chọn cấp huyện, thì cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh lập 01 bộ hồ sơ như quy định tại Khoản 1, Điều này gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, có văn bản gửi đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh.

3. Hồ sơ đăng ký bình chọn cấp khu vực:

a) Hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn như quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh còn giá trị;

c) Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo danh sách trích ngang các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp khu vực (theo mẫu tại Phụ lục số 5 của Thông tư này).

4. Hồ sơ đăng ký bình chọn cấp quốc gia:

a) Hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn như quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực còn giá trị;

c) Văn bản đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp địa phương kèm theo danh sách trích ngang các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp quốc gia (theo mẫu tại Phụ lục số 5 của Thông tư này).

Điều 13. Lưu giữ hồ sơ bình chọn

Hồ sơ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được lưu giữ như sau:

1. Hồ sơ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện lưu tại Ủy Ban nhân dân cấp huyện và cấp tỉnh lưu tại Sở Công Thương. Trường hợp khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Hồ sơ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực và cấp quốc gia lưu tại Cục Công nghiệp địa phương.

Chương IV
TỔ CHỨC BÌNH CHỌN VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 14. Địa điểm và thời gian tổ chức bình chọn sản phẩm

1. Địa điểm, thời gian tổ chức cấp huyện và cấp tỉnh:

a) Cấp huyện, cấp tỉnh được tổ chức định kỳ 02 (hai) năm một lần, thường vào năm lẻ. Trường hợp khác theo quy định của cấp có thẩm quyền;

b) Địa điểm, thời gian cụ thể tổ chức bình chọn cấp huyện, cấp tỉnh thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng bình chọn cấp huyện, cấp tỉnh phù hợp với kế hoạch chung được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Địa điểm, thời gian tổ chức cấp khu vực và cấp quốc gia:

a) Cấp khu vực, cấp quốc gia được tổ chức định kỳ 02 (hai) năm một lần, thường vào năm chẵn. Trường hợp khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

b) Địa điểm, thời gian cụ thể tổ chức bình chọn cấp khu vực và cấp quốc gia theo hướng dẫn của Hội đồng bình chọn cấp khu vực, cấp quốc gia phù hợp với kế hoạch khuyến công quốc gia được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

Điều 15. Địa điểm, thời gian tiếp nhận hồ sơ và sản phẩm

1. Địa điểm và thời gian tiếp nhận hồ sơ, sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Hội đồng bình chọn các cấp.

2. Trong trường hợp đặc biệt (sản phẩm có kích thước, trọng lượng quá lớn hoặc sản phẩm có đặc điểm đặc thù khác không phù hợp khi vận chuyển, bảo quản) cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia bình chọn không thể gửi sản phẩm đến địa điểm quy định, Chủ tịch Hội đồng bình chọn sẽ xem xét và quyết định phương thức bình chọn đối với sản phẩm đó.

3. Sản phẩm sau khi bình chọn được trả lại cho cơ sở công nghiệp nông thôn. Trường hợp giữ lại để trưng bày tại Hội chợ triển lãm hoặc lưu giữ, trưng bày tại nơi trưng bày, giới thiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn cấp huyện, cấp tỉnh, cấp khu vực, cấp quốc gia phải được sự đồng ý của chủ cơ sở công nghiệp nông thôn.

Điều 16. Tổ chức bình chọn

1. Trên cơ sở thực tế hồ sơ và sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn, Trưởng ban Giám khảo có thể xem xét đề xuất các khung điểm chi tiết theo các nội dung của 4 tiêu chí quy định tại Phụ lục số 3 của Thông tư này, trình Chủ tịch Hội đồng bình chọn quyết định để tổ chức bình chọn.

2. Ban Giám khảo tiến hành chấm điểm theo mẫu phiếu chấm điểm tại Phụ lục số 4 của Thông tư này, việc chấm điểm phải đảm bảo nguyên tắc độc lập, công bằng, khách quan. Từng thành viên tự chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.

3. Trưởng ban Giám khảo lập biên bản tổng hợp kết quả bình chọn gửi Hội đồng bình chọn.

Điều 17. Công nhận kết quả và cấp Giấy chứng nhận

1. Sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận phải đáp ứng các quy định tại Điều 4 và Điều 7 Thông tư này; được Ban Giám khảo chấm điểm, điểm bình quân đạt từ 70 điểm trở lên. Cơ cấu và số lượng sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận do Hội đồng bình chọn quyết định.

2. Căn cứ vào kết quả bình chọn Hội đồng bình chọn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Công nghiệp địa phương, Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt kết quả bình chọn, quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu theo thẩm quyền quy định tại Thông tư này. Kết quả bình chọn sản phẩm được thông báo đến các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm tham gia bình chọn.

3. Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu có giá trị tính từ ngày được cấp đến hết ngày 31 tháng 12 của năm thứ 3 (tính từ năm cơ sở được cấp Giấy chứng nhận).

4. Mẫu Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được thống nhất sử dụng từ cấp huyện đến cấp quốc gia theo quy định tại Phụ lục số 6 của Thông tư này.

Điều 18. Tổ chức trao Giấy chứng nhận

1. Hội đồng bình chọn tổ chức trao Giấy chứng nhận cho các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được công nhận.

2. Lễ trao Giấy chứng nhận phải được tổ chức nghiêm túc, trang trọng, phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Việc lựa chọn thời gian trao Giấy chứng nhận do Hội đồng bình chọn trình cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Khuyến khích các đơn vị tổ chức sự kiện, các hiệp hội ngành nghề, các cơ quan, đơn vị thông tin truyền thông, các doanh nghiệp tham gia, phối hợp với Hội đồng bình chọn trong việc thực hiện các hoạt động tuyên truyền về công tác bình chọn, tổ chức tôn vinh và quảng bá cho sản phẩm được công nhận.

Điều 19. Kinh phí tổ chức bình chọn

1. Kinh phí tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh được sử dụng từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương, kết hợp với các nguồn tài trợ và nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có). Mức hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương cho công tác tổ chức bình chọn và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Kinh phí tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực và cấp quốc gia được sử dụng từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia, kết hợp với các nguồn tài trợ và nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có). Mức hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia cho tổ chức bình chọn và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, cấp quốc gia theo quy định tại Điểm g, Khoản 2, Điều 6 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương.

Điều 20. Xử lý khiếu nại, thu hồi giấy chứng nhận

1. Thời hiệu khiếu nại đối với kết quả bình chọn là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

2. Hội đồng bình chọn có trách nhiệm giải quyết các khiếu nại liên quan đến kết quả bình chọn trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

3. Trong trường hợp cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được công nhận vi phạm các quy định pháp luật và các quy định của Thông tư này, tùy theo mức độ vi phạm Hội đồng bình chọn có thể trình cấp có thẩm quyền xử lý hoặc thu hồi lại Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Chương V
QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN CÓ SẢN PHẨM ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 21. Quyền lợi

Trong thời hạn của Giấy chứng nhận, cơ sở công nghiệp nông thôn được hưởng các quyền lợi:

1. Được phép in hoặc dán nhãn Logo của Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên sản phẩm hoặc bao bì của sản phẩm được công nhận.

2. Được tặng thưởng bằng tiền mặt từ nguồn kinh phí khuyến công và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

a) Mức thưởng bằng tiền từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia cho cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, cấp quốc gia theo quy định tại Điểm g, Khoản 2, Điều 6 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT/BTC-BCT;

b) Mức thưởng bằng tiền từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương cho cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Được ưu tiên xét hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương để phát triển sản phẩm theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công và các văn bản có liên quan.

4. Được tư vấn, tiếp cận các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư khác của Nhà nước cho đầu tư phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu theo quy định.

5. Được đăng tải thông tin giới thiệu về sản phẩm trên các phương tiện thông tin ở địa phương và Trung ương, cụ thể:

a) Ở địa phương: Được đăng thông tin giới thiệu về sản phẩn trên các phương tiện truyền thông như: Bản tin Công Thương địa phương; Trang thông tin điện tử của Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và các phương tiện truyền thông khác của tỉnh, thành phố theo quy định;

b) Ở Trung ương: Các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực và cấp quốc gia được đăng thông tin giới thiệu về sản phẩm trên các phương tiện truyền thông như: Bản tin khuyến công, Trang thông tin điện tử của Cục Công nghiệp địa phương, Bộ Công Thương và các phương tiện truyền thông khác theo quy định.

Điều 22. Trách nhiệm

Trong thời hạn của Giấy chứng nhận, cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm:

1. Sản xuất và phát triển sản phẩm được công nhận với tiêu chuẩn chất lượng mà cơ sở đã cam kết tại hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn.

2. Định kỳ hàng năm, báo cáo Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tham gia bình chọn về kết quả hỗ trợ từ khuyến công, các chính sách của Nhà nước và tình hình sản xuất kinh doanh của cơ sở.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lập hồ sơ theo quy định để được hỗ trợ từ khuyến công, các nguồn kinh phí khác và các ưu đãi hỗ trợ khác của nhà nước cho đầu tư phát triển sản phẩm.

4. Phối hợp với Hội đồng bình chọn giải quyết các khiếu nại liên quan đến kết quả bình chọn sản phẩm của cơ sở (nếu có).

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của Cục Công nghiệp địa phương, Bộ Công Thương

a) Cục Công nghiệp địa phương là cơ quan thường trực giúp Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện Thông tư này;

b) Xây dựng kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, cấp quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt và tổ chức thực hiện;

c) Quyết định thành lập hoặc trình Bộ trưởng Bộ Công Thương thành lập Hội đồng bình chọn và phê duyệt quyết định công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, cấp quốc gia theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Thông tư này;

d) Định kỳ tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương kết quả bình chọn và hỗ trợ phát triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên phạm vi cả nước.

2. Trách nhiệm của Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Sở Công Thương là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn thực hiện Thông tư này trong phạm vi địa bàn địa phương;

b) Xây dựng kế hoạch bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định. Hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch và tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện;

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh;

d) Hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận lập đề án khuyến công trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để hỗ trợ phát triển sản phẩm;

e) Hướng dẫn Trung tâm khuyến công, các đơn vị thuộc Sở Công Thương tư vấn, giúp đỡ các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận tiếp cận các nguồn vốn và các chính sách ưu đãi hỗ trợ khác của nhà nước để đầu tư phát triển sản phẩm;

g) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Cục Công nghiệp địa phương kết quả tổ chức bình chọn; kết quả hỗ trợ từ khuyến công, các chính sách của Nhà nước và tình hình sản xuất kinh doanh của các cơ sở có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện phù hợp với kế hoạch chung được duyệt;

b) Thành lập Hội đồng bình chọn và phê duyệt quyết định công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện;

c) Tuyên truyền, vận động các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp;

d) Phê duyệt danh sách sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện để đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh;

e) Lập kế hoạch phát triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu ở địa phương. Hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện để cở sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được thụ hưởng kinh phí khuyến công, tiếp cận các nguồn vốn và các chính sách ưu đãi hỗ trợ khác của Nhà nước để đầu tư phát triển sản xuất;

g) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Sở Công Thương kết quả bình chọn; kết quả hỗ trợ từ các chính sách của Nhà nước và tình tình sản xuất kinh doanh của các cơ sở có sản phẩm được công nhận trên địa bàn.

Điều 24. Kiểm tra, giám sát và quy định khác của địa phương

1. Cục Công nghiệp địa phương, Sở Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện Thông tư này.

2. Căn cứ vào các quy định tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ban hành quy chế quy định cụ thể việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2014 và thay thế Thông tư số 35/2010/TT-BCT ngày 12 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hồ Thị Kim Thoa

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm...

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Kính gửi:.....

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:..... .....
Địa chỉ:..... .....
Điện thoại:.....; Fax:..... Email:..... .....
Người đại diện:.....; Chức vụ: .....
Giấy đăng ký kinh doanh số:..... Ngày cấp:.....
Ngành nghề kinh doanh (*tóm tắt ngành nghề chính có liên quan*): .....
Địa điểm sản xuất: .....
Vốn đăng ký kinh doanh (*nếu có*):..... .....
Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất (*đối với doanh nghiệp*):.....
Tổng số lao động bình quân/năm: .....
Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước:.....

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

Tên sản phẩm tham gia bình chọn:..... .....
Mô tả tóm tắt về sản phẩm:.....

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm nêu trên; sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm bản quyền về sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin được cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn./.

Đại diện
Cơ sở công nghiệp nông thôn
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm...

THUYẾT MINH SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ
BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên sản phẩm: .....
Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:.....
Đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn:.....; Chức vụ: .....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....; Email: .....

I. THÔNG TIN CHUNG

Kích cỡ (dài, rộng, cao): .....
Trọng lượng sản phẩm (kg): .....
Ký hiệu sản phẩm (nếu có): .....
Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:..... .....

II. NỘI DUNG CHÍNH

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:..... .....

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Về sản xuất, kinh doanh

- Quy mô sản xuất (Sp/năm) (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Doanh thu của sản phẩm (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Số lượng và doanh thu xuất khẩu năm trước và dự kiến năm hiện tại (nếu có):.....
- Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại): .....
- Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm: .....
- Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm: .....
- Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm. Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất sản phẩm:.....
- Chất lượng, mẫu mã sản phẩm:.....
- Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP,.....) đang áp dụng (nếu có). Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

- Khả năng sản xuất hàng loại, với số lượng lớn:.....
- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác: .....
- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm:.....

1.2. Về thị trường

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm (thị trường trong và ngoài nước) và đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường: .....
- Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):.....

2. Lao động, bảo vệ môi trường

2.1. Về lao động

- Tổng số lao động đang sử dụng: .....
- Chất lượng lao động đang sử dụng: .....
- Thu nhập bình quân:.....*VNĐ/người/tháng*

2.2. Về môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm:..... .....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

- Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc: .....
- Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:.....
- Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:.. .....

4. Một số nội dung khác

- Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận: .....
- Các giải thưởng, bằng khen,..... đã đạt được:.....
- Nêu tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....
- Tham gia các hoạt động công ích xã hội:.....
- Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):.....

III. TỰ NHẬN XÉT

.....
.....
.....
.....

Đại diện
Cơ sở công nghiệp nông thôn
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương)

TIÊU CHÍ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

TT	Chỉ tiêu đánh giá	
I	**Tiêu chí đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất**	
1	Đáp ứng nhu cầu thị trường	- Mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. - Khả năng thay thế, cạch tranh với sản phẩm nhập khẩu
2	Khả năng phát triển sản xuất	- Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn. - Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất. - Quy mô sản xuất. - Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác. - Khả năng sử dụng nguyên, vật liệu trong nước. - Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm
II	**Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường**	
1	Về Kinh tế	- Hiệu quả kinh tế sản xuất kinh doanh sản phẩm. - Doanh thu sản xuất kinh doanh sản phẩm. - Đánh giá các chỉ tiêu kinh tế khác
2	Về Kỹ thuật	- Trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm. - Chất lượng, mẫu mã sản phẩm. - Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định. - Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP,...). - Chất lượng lao động tham gia sản xuất
3	Về Xã hội	- Khả năng thu hút, giải quyết được việc làm cho lao động. - Thu nhập bình quân của người lao động. - Đánh giá các tác động xã hội khác
4	Về Môi trường	Đánh giá tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất

TT	Chỉ tiêu đánh giá	
III	**Tiêu chí về tính văn hóa, tính thẩm mỹ**	
1	Tính văn hóa	- Mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc - Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm
2	Tính thẩm mỹ	Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo, hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp
IV	**Các tiêu chí khác**	
1	Các chứng nhận liên quan đến chất lượng sản phẩm	Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận
2	Các giải thưởng, khen thưởng	Các giải thưởng, bằng khen,... đã đạt được
3	Thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và các hoạt động công ích xã hội	- Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước. - Tham gia các hoạt động công ích xã hội

Ghi chú: Tùy từng nhóm sản phẩm, đặc tính của sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn, Trưởng Ban giám khảo có thể xem xét lựa chọn các nội dung trong các tiêu chí nêu trên, đề xuất với Hội đồng bình chọn để đánh giá, chấm điểm cho phù hợp.

Phụ lục số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương)

Tên Hội đồng bình chọn

PHIẾU CHẤM ĐIỂM
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên sản phẩm:.....

Nhóm sản phẩm: .....

Mã số bình chọn:.....

Họ và tên giám khảo:.....

Chức vụ/Học hàm:.....

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm bình chọn	Ghi chú
1	Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất	40		
2	Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường	40		
3	Tiêu chí về tính văn hóa, tính thẩm mỹ	10		
4	Một số tiêu chí khác	10		
	Tổng cộng	**100**		

Nhận xét:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thành viên Ban giám khảo

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương)

Tên Cơ quan, đơn vị:

DANH SÁCH TRÍCH NGANG
SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP.....

TT	Tên sản phẩm	Cơ sở công nghiệp nông thôn	Địa chỉ	Ghi chú

....., ngày..... tháng..... năm....

Thủ trưởng cơ quan/đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương)

QUY ĐỊNH VỀ GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

I. QUY ĐỊNH CHUNG CỦA MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

1. Hình thức: xung quanh trang trí hoa văn, chính giữa phía trên, dưới Quốc hiệu là biểu trưng (logo) của Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Logo của Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu bao gồm: hình ảnh của bánh răng công nghiệp (màu nâu đỏ) được cách điệu như một bông hoa trên nền đan xen của những chiếc lá (màu xanh), tổng thể được đặt trong một hình tròn. Xung quanh nửa dưới hình tròn có hàng chữ "**SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**" (màu xanh).

Mã màu:

Green(1): C35.M0.Y100.K0;

Green(2): C100.M0.Y: 100.K: 40

Brich Red: C20.M70.Y100.K0

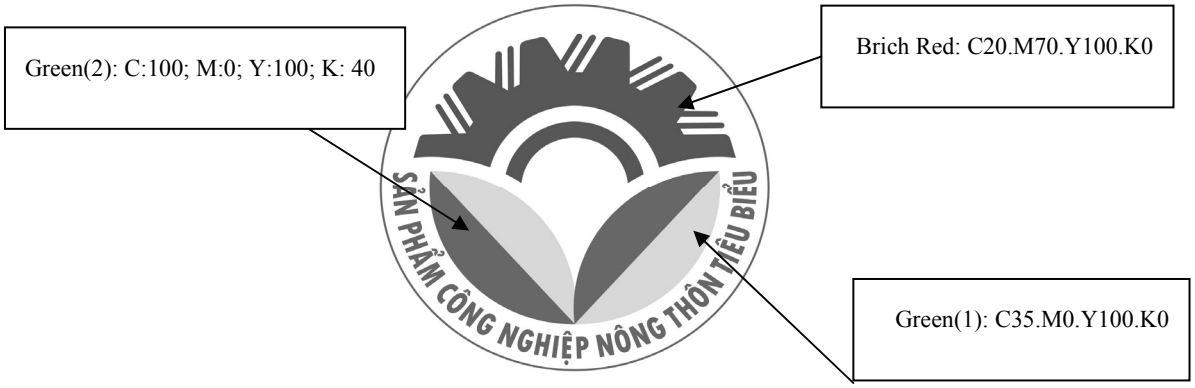

2. Nội dung: dòng thứ nhất, thứ hai: Quốc hiệu "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc"; dòng thứ 3 chức danh người ký (chữ in hoa, màu đỏ); dòng thứ 4 tên đơn vị ký chứng nhận (chữ in hoa, màu đen); dòng thứ 5 "CHỨNG NHẬN" (chữ in hoa, màu đỏ); dòng thứ 6: SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN BIÊU BIỂU; dòng thứ 7: CẤP...- NĂM 20... (chữ in hoa, màu đỏ); dòng thứ 8: TÊN SẢN PHẨM: ghi tên sản phẩm; dòng thứ 9: ĐƠN VỊ SẢN XUẤT: ghi tên đơn vị sản xuất sản phẩm; dòng thứ 10: ĐỊA CHỈ: ghi địa chỉ của đơn vị sản xuất sản phẩm. Phía dưới bên phải các nội dung: địa danh, ngày... tháng... năm...; chức danh người ký và khoảng trống 30 mm để ký tên đóng dấu.

Phía dưới bên trái:

- Số quyết định... ngày... tháng...năm...

- Có giá trị đến ngày 31 tháng 12 năm 20...

3. Giấy in: Giấy chứng nhận in trên giấy trắng định lượng 150 gram/m^2;

Chứng nhận các cấp sử dụng chung khổ giấy A4, kích thước dài 297mm, rộng 210mm, đường trang trí hoa văn dài 287mm, rộng 200mm (*sử dụng chiều đứng trang in*).

II. MẪU CỤ THỂ

1. Mẫu số 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN .....

CHỨNG NHẬN

SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU
CẤP HUYỆN - NĂM 20.....

TÊN SẢN PHẨM: .....

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT: .....

.....

ĐỊA CHỈ: .....

.....

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

Theo Quyết định số: ...../QĐ-UBND, ngày ...../...../.....
Có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20.....

2. Mẫu số 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH .....

CHỨNG NHẬN

SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU
CẤP TỈNH - NĂM 20.....

TÊN SẢN PHẨM: .....

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT: .....

.....

ĐỊA CHỈ: .....

.....

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

Theo Quyết định số: ...../QĐ-UBND, ngày ...../...../.....
Có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20.....

3. Mẫu số 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỤC TRƯỞNG
CỤC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

CHỨNG NHẬN

SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU
CẤP KHU VỰC - NĂM 20.....

TÊN SẢN PHẨM: .....

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT: .....

.....

ĐỊA CHỈ: .....

.....

....., ngày.....tháng.....năm 20.....
CỤC TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Theo Quyết định số: ...../QĐ-CNĐP, ngày ...../...../.....
Có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20.....

4. Mẫu số 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG THƯƠNG

CHỨNG NHẬN

SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU
CẤP QUỐC GIA - NĂM 20.....

TÊN SẢN PHẨM: .....

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT: .....

.....

ĐỊA CHỈ: .....

.....

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Theo Quyết định số: ...../QĐ-BCT, ngày ...../...../.....
Có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20.....